

Số: 8330/VPCP-ĐMDN

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025

V/v hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định
về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại,
báo cáo và công khai thông tin

Kính gửi:

- Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Xét Tờ trình và Báo cáo của Bộ Tài chính (Tờ trình số 487/TTr-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2025, Báo cáo số 374/BC-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2025) và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (công văn số 343/BCTĐ-BTP ngày 04 tháng 8 năm 2025) về Dự thảo Nghị định về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc có ý kiến như sau:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì làm việc với các Bộ: Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, cơ quan, đơn vị liên quan, khẩn trương thống nhất hoàn thiện lại hồ sơ Tờ trình, dự thảo Nghị định nêu trên, bổ sung Tờ trình tóm tắt (dưới 10 trang) theo Khoản 2 Điều 13 Quy chế làm việc của Chính phủ; trình Chính phủ trước ngày 10 tháng 9 năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không để chậm trễ hơn, chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung trình Chính phủ; trong đó lưu ý rà soát, điều chỉnh, bổ sung, làm rõ những nội dung sau để trao đổi, thống nhất:

a) Yêu cầu chung: Việc xây dựng, ban hành Nghị định nêu trên (cùng với các Nghị định khác quy định chi tiết, tổ chức thi hành Luật 68/2025/QH15) cần bảo đảm đúng các yêu cầu của Phó Thủ tướng tại điểm 3 Thông báo 370/TB-VPCP ngày 18 tháng 7 năm 2025, đặc biệt là phải thiết kế được các công cụ để tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra của các cơ quan nhà nước trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đồng thời không làm ảnh hưởng tới tính chủ động và tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp theo đúng các Nghị quyết, chủ trương của đảng, đã được thể chế tại Luật 68 về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, không tạo cơ chế “xin - cho”, chống phiền hà, sách nhiễu đối với doanh nghiệp; không tạo ra thất thoát, buông lỏng quản lý. Kế thừa những ưu điểm và nội dung còn phù hợp của Nghị định 87/2015/NĐ-CP và điều chỉnh, bổ sung những quy định mới theo nội dung tại Luật 68/2025/QH15, bảo đảm các yêu cầu nêu trên.

b) Rà soát kỹ, bảo đảm nội dung, trình tự, thủ tục, hồ sơ trình Chính phủ, đã được cập nhật theo đúng quy định của pháp luật ban hành văn bản quy phạm luật hiện hành và các chỉ đạo liên quan của Lãnh đạo Chính phủ, trong đó:

- Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ, bảo đảm đầy đủ, đúng các nội dung theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 6, khoản 2 Điều 29 và mẫu số 10 Phụ lục IV của Nghị định 78/2025/NĐ-CP, lưu ý Bản so sánh, thuyết minh Dự thảo Nghị định phải nêu rõ lý do điều chỉnh (so với quy định hiện hành) hoặc quy định mới, nhất là các giải pháp về công cụ chính sách mới theo yêu cầu tại điểm a nêu trên, bảo đảm đầy đủ, chính xác rõ ràng và

chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung báo cáo theo đúng chỉ đạo tại điểm a khoản 1 văn bản số 7112/VPCP-ĐMDN ngày 30/7/2025.

- Bổ sung báo cáo rõ tại Tờ trình về nhiệm vụ được giao tại điểm a khoản 1 văn bản số 7112/VPCP-ĐMDN (về báo cáo kết quả làm việc, thống nhất, tạo sự đồng thuận với các Bộ, cơ quan, doanh nghiệp sau khi giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp trước khi trình Chính phủ...); chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo, đề xuất; trường hợp chưa thực hiện đúng nhiệm vụ nêu trên, cần khẩn trương thực hiện và báo cáo rõ kết quả trong Tờ trình (Theo Phụ lục tổng hợp tiếp thu giải trình ý kiến về dự thảo Nghị định kèm theo hồ sơ trình, thì hầu như chưa tổng hợp ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ và giải trình, không tiếp thu nhiều ý kiến của các DNNN là đối tượng chịu tác động).

c) Thống nhất với Bộ Tư pháp về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; và với các Bộ, cơ quan còn ý kiến khác (nếu có) để hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 20 Nghị định 78/2025/NĐ-CP. Trường hợp cần thiết thì xác định các nội dung cần xin ý kiến Chính phủ thành mục riêng trong Tờ trình (nêu rõ ý kiến Bộ Tài chính, ý kiến khác và đề xuất của Bộ Tài chính về phương án giải quyết).

d) Về tên gọi và phạm vi điều chỉnh của Nghị định:

- Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, rà soát để bảo đảm thống nhất giữa tên gọi và phạm vi điều chỉnh (ví dụ: về “xếp loại doanh nghiệp” có tên trong tiêu đề, chưa có trong phạm vi điều chỉnh); phạm vi điều chỉnh cần bao quát đúng, đầy đủ các nội dung được giao tại Luật 68/2025/QH15 (như quy định về giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Điều 35 Luật 68/2025/QH15) và các nội dung khác để tổ chức thi hành luật theo chỉ đạo tại văn bản 5489/VPCP-ĐMDN ngày 18 tháng 6 năm 2025, phù hợp với pháp luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 1a Điều 14 Luật 64/2025/QH15, Điều 65 Nghị định 78/2025/NĐ-CP, thống nhất với quan điểm số 2 tại mục II.Tờ trình 487/TTr-BTC) và Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Bổ sung vào phạm vi điều chỉnh, nội dung thanh tra về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật để bao quát đủ các nội dung quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra theo Luật 68/2025/QH15 tại điều 46 (hiện dự thảo Nghị định có quy định liên quan tại Điều 28, Điều 30...nhưng chưa đầy đủ).

đ) Về giải thích từ ngữ (Điều 4): Căn cứ các nội dung dưới đây, tiếp tục rà soát, chỉnh lý và bổ sung cho phù hợp, trong đó, cần hoàn thiện lại giải thích đối với thuật ngữ “giám sát”, “kiểm tra” để bảo đảm phân định rõ, tách bạch 2 hoạt động này, nghiên cứu bổ sung các thuật ngữ cần thiết giải thích trong Nghị định (chủ thể kiểm tra, giám sát; đối tượng kiểm tra, giám sát; giám sát trực tiếp, gián tiếp...)

e) Về nội dung giám sát, kiểm tra, thanh tra (Chương II dự thảo Nghị định):

- Cần nghiên cứu kế thừa các ưu điểm, nội dung còn phù hợp của Nghị định 87/2015/NĐ-CP (như không quy định chủ thể giám sát, kiểm tra là Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, quy định rõ theo từng nội dung giám sát về chủ thể, nội dung, căn cứ, phương thức, tổ chức thực hiện; Chính phủ phân công Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp thực hiện hoạt động giám sát, kiểm tra với vai trò là các chủ thể giám sát).

Trên cơ sở bảo đảm bao quát đầy đủ và tách bạch 02 nhóm nội dung giám sát, kiểm tra đối với (i) hoạt động đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và (ii) hoạt động quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại điều 43 và Điều 44 Luật 68/2025/QH15, nghiên cứu tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để quy định trách nhiệm tương ứng của các chủ thể giám sát, kiểm tra đối với các nội dung giám sát, kiểm tra nêu trên, bảo đảm phù hợp về thẩm quyền, đúng nội dung, trách nhiệm, khả thi và hiệu quả¹ và bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp trên nguyên tắc 1 việc chỉ giao cho 1 cơ quan, phân định rõ hoạt động giám sát, kiểm tra, không lẫn lộn về mục tiêu, nguyên tắc của giám sát, kiểm tra (quy định tại Điều 10 có nội dung trùng lặp với Điều 18 có thể dẫn đến cách hiểu một nội dung do nhiều cơ quan giám sát, dẫn đến giám sát trùng lặp).

Làm rõ nguyên tắc khi nào thì giám sát trực tiếp, khi nào thì kiểm tra, phù hợp với Nghị quyết 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội, bảo đảm kịp thời, uốn nắn, khắc phục, chấn chỉnh ngay các vi phạm khuyết điểm, nhất là khi doanh nghiệp có những biến động bất thường (đầu tư lớn, lỗ lớn, vay nợ lớn; có biến động tình hình lớn...), phù hợp với yêu cầu về trách nhiệm của cơ quan đầu mối tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc giám sát, kiểm tra và yêu cầu về việc cần quy định cụ thể về tăng cường hiệu lực, hiệu quả giám sát, kiểm tra theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 370/TB-VPCP; trên cơ sở đó, quy định rõ trách nhiệm tổng hợp, đánh giá, kiến nghị của Bộ Tài chính và bổ sung quy định trách nhiệm của các chủ thể giám sát (Bộ Tài chính, các cơ quan đại diện chủ sở hữu) trong trường hợp không kịp thời giám sát, kiểm tra để xảy ra vi phạm, khuyết điểm.

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện quy định về thanh tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại dự thảo Nghị định theo phạm vi điều chỉnh bổ sung tại điểm d nêu trên.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để thể hóa đúng, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng tại dự thảo Nghị định, trong đó có Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị bảo đảm chỉ đạo “Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; xử lý nghiêm các hành vi làm dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp”.

- Rà soát quy định về hành vi bị nghiêm cấm tại Khoản 5 Điều 8, bảo đảm phù hợp với khoản 2 Điều 14 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam.

¹ Điểm b, mục 2.5, phần III Báo cáo 343/BCTĐ-BTP ngày 4/8/2025

- Về quy định các nội dung giám sát, kiểm tra cần báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Khoản 4, 5b, 6c Điều 11; Khoản 1, khoản 4, 5c Điều 14; khoản 2 Điều 13, Điều 16, Khoản 1b, 4 Điều 20, Khoản 2b Điều 24; Khoản 1đ, Khoản 2d Điều 49,...): Nghiên cứu tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và kế thừa Nghị định 87/2015/NĐ-CP, để thuyết minh, làm rõ: i) Mục đích báo cáo; ii) Nội dung nào cần Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến chỉ đạo và trách nhiệm tham mưu đề xuất nội dung chỉ đạo của chủ thể giám sát; trên cơ sở đó, chỉnh sửa, bổ sung các quy định tại các điều, khoản trên cho phù hợp, bảo đảm rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính, các cơ quan, doanh nghiệp, hạn chế đẩy việc sự vụ lên Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nghiên cứu quy định Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo cho ý kiến về việc xử lý vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật quản lý đầu tư vốn nhà nước trong phạm vi toàn quốc trên cơ sở tham mưu đề xuất của Bộ Tài chính để phù hợp với khoản 4đ Điều 13 Luật Tổ chức Chính phủ.

- Nghiên cứu bổ sung quy định để bảo đảm tính độc lập, tách bạch giữa chức năng của Bộ Tài chính vừa là chủ thể giám sát (đối với các cơ quan đại diện chủ sở hữu) và vừa là đối tượng giám sát (là cơ quan đại diện chủ sở hữu của 18 Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước và một số doanh nghiệp khác), bảo đảm việc giám sát, kiểm tra được thực hiện khách quan, công khai, minh bạch, ngăn ngừa hữu hiệu tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

- Nghiên cứu bổ sung quy định để tăng cường trách nhiệm của Kiểm soát viên trong việc thường xuyên giám sát, cập nhật báo cáo, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu định kỳ, đột xuất nhằm kịp thời động viên, khen thưởng hoặc chấn chỉnh, phòng ngừa nguy cơ thất thoát, lãng phí vốn của doanh nghiệp.

- Về các nội dung giao thẩm quyền, trách nhiệm cho cơ quan đại diện chủ sở hữu tại dự thảo Nghị định (ví dụ khoản 5 Điều 31): Nghiên cứu bổ sung quy định nguyên tắc, hướng dẫn hoặc giao Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện để việc tổ chức thi hành Nghị định của các cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp được chủ động, thống nhất, khả thi, hiệu quả, tránh áp dụng tùy nghi.

g) Về quy định đánh giá, xếp loại: Bổ sung quy định để gắn kết chặt chẽ công tác đánh giá thực tiễn kết quả hoạt động của người đại diện làm căn cứ báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu tham khảo phục vụ công tác cán bộ đối với lãnh đạo DNNN.

h) Về Báo cáo và công khai thông tin (Chương V Dự thảo Nghị định)

- Về Báo cáo thông tin: Nghiên cứu, thuyết minh, làm rõ và bổ sung quy định chi tiết tại mục 1 Chương V về báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 54 của Luật 68 theo hướng:

+ Quy định rõ đại diện chủ sở hữu tiếp nhận các loại báo cáo (quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật 68/2015/QH15) là ai, nghiên cứu kế thừa quy định của Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định 87/2015/NĐ-CP (quy định là cơ quan đại diện chủ sở hữu), trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu khi tiếp nhận báo cáo các nội dung này.

+ Thuyết minh rõ chế độ báo cáo trên là độc lập hay là nội dung trong hoạt động giám sát (theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP thì chế độ báo cáo thuộc nội dung giám sát).

+ Nội dung báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp trình Quốc hội gồm những nội dung chính gì để có cơ sở Chính phủ phê duyệt khi trình Quốc hội; quy định rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính trong kiến nghị, đề xuất trình Chính phủ.

- Về công khai thông tin: Kế thừa những quy định đã rõ, còn phù hợp tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP (như quy định riêng 1 điều về đối tượng công khai, bổ sung mục đích công khai thông tin, cơ sở để công khai thông tin, công khai thông tin của DNNN...); bổ sung quy định chi tiết khoản 1 Điều 55 Luật 68/2025/QH15 về xác định trách nhiệm công khai thông tin của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

i) Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản:

- Rà soát kỹ thuật thể hiện căn cứ ban hành, sự cần thiết của việc quy định Điều 2 để phù hợp với quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 54 Luật 64/2025/QH15; kỹ thuật viết tên mục tại tất cả các chương, kỹ thuật viết tên điều phù hợp với nội hàm điều (Điều 8), kỹ thuật soạn thảo (giải thích từ ngữ tại Điều 3; thời hạn tại các Điều 5 và 11; sử dụng dấu () tại khoản 1 và khoản 2 Điều 45...; sử dụng thuật ngữ, cụm từ tại điểm a khoản 1 Điều 41, khoản 1 và khoản 4 Điều 52,...); rà soát việc áp dụng khái niệm “ngành, lĩnh vực đặc thù” tại Điều 3 dự thảo Nghị định phù hợp với khoản 4 Điều 58 Luật 64/2025/QH15.

- Về thủ tục hành chính: Quy định rõ loại báo cáo (tại điểm a Khoản 1 Điều 12); trình tự thủ tục, thời hạn giải quyết, thời hạn thực hiện, bổ sung, các mẫu văn bản, thành phần hồ sơ... của thủ tục hành chính (khoản 1b Điều 28, Điều 41 - 44, Điều 37, khoản 1 Điều 14 và khoản 1 điều 12; thời hạn công khai thông tin (khoản 1a Điều 49); hướng dẫn cụ thể hoặc mẫu hóa các biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công bố và gửi cho cơ quan có thẩm quyền quyết định kết quả đánh giá hoặc thực hiện xếp loại, công bố. Quy định cụ thể biểu mẫu, thời gian chốt số liệu, thời hạn báo cáo (như báo cáo đánh giá, xếp loại doanh nghiệp; báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; các báo giám sát, kiểm tra...), bảo đảm phù hợp với Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. Rà soát nội dung báo cáo công khai thông tin qua mạng điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy, bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật liên quan (như Luật giao dịch điện tử,...).

2. Bộ Tư pháp khẩn trương nghiên cứu hồ sơ tờ trình nêu trên (đã đồng gửi Bộ Tư pháp theo quy định) để có ý kiến trực tiếp tại cuộc họp theo chỉ đạo tại điểm c khoản 1 nêu trên; đồng thời có ý kiến chính thức bằng văn bản về hồ sơ trình Chính phủ sau khi Bộ Tài chính đã hoàn thiện lại theo điểm 1 nêu trên trình Chính phủ (đồng gửi Bộ Tư pháp theo quy định) về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và các nội dung bổ sung mới so với dự thảo Nghị định đã gửi thẩm định, gửi về Văn phòng Chính phủ trong vòng 3 ngày sau khi nhận được để tổng hợp hồ sơ trình Chính phủ.

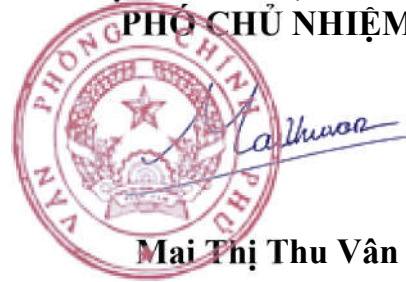


Văn phòng Chính phủ thông báo đề Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan biết, thực hiện/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, PTTg Hồ Đức Phớc;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh;
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty và NHTM Nhà nước (*Danh sách kèm theo*);
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân, các Vụ: V.I, PL, TH, Cục KSTTHC;
- Lưu: VT, ĐMDN. DH

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



DANH SÁCH CÁC BỘ, CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP

(Nhận Văn bản của Văn phòng Chính phủ)

STT	Các DNNN thuộc các cơ quan đại diện chủ sở hữu
Bộ Quốc phòng	
1	Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Viettel
2	Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn
Bộ Tài chính	
3	Tập đoàn CN- Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PETROVIETNAM)
4	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
5	Tập đoàn CN Than Khoáng sản Việt Nam (TKV)
6	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem)
7	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT)
8	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
9	Tập đoàn CN Cao su VN (VRG)
10	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)
11	Tổng công ty Hàng không Việt Nam (VNA)
12	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC)
13	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (VNR)
14	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)
15	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV)
16	Tổng công ty Lương thực miền Bắc (Vinafood 1)
17	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam (Vinafor)
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
18	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank)
19	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV)
20	Ngân hàng TMCP Công Thương VN (Vietinbank)
21	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (Vietcombank)
UBND tỉnh Bình Dương	
22	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (CTCP BECAMEX)